

Phụ lục I
PHÂN CẤP THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
(Kèm theo Nghị quyết số /2026/NQ-CP
ngày tháng 4 năm 2026 của Chính phủ)

I. Thủ tục cấp giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền tác giả, quyền liên quan; cấp lại giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền tác giả, quyền liên quan (02 TTHC)

Việc cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền tác giả, quyền liên quan; cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền tác giả, quyền liên quan được quy định tại Điều 5, Điều 96 và khoản 2, khoản 6 Điều 99 Nghị định số 17/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả, quyền liên quan (sau đây gọi là Nghị định số 17/2023/NĐ-CP) (được bổ sung bởi khoản 1 Điều 29 và các khoản 2, 4 Điều 34 Nghị định số 134/2026/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 17/2023/NĐ-CP) thuộc thẩm quyền của cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Trình tự, thủ tục cấp, cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền tác giả, quyền liên quan được thực hiện như sau:

1. Tổ chức đáp ứng điều kiện quy định tại các khoản 2 và 2a Điều 201 của Luật Sở hữu trí tuệ, quy định của pháp luật có liên quan yêu cầu cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định nộp 01 bộ hồ sơ yêu cầu cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định trên Cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt trụ sở hoạt động. Hồ sơ bao gồm:

a) Tờ khai yêu cầu cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền tác giả, quyền liên quan Mẫu số 01 tại Phụ lục này;

b) Bản gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao từ sổ gốc giấy đăng ký hoạt động hoặc quyết định thành lập do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp. Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến thì nộp bản sao điện tử hoặc bản chứng thực điện tử.

Cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm chủ động khai thác, sử dụng thông tin trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp để thay thế và chỉ được yêu cầu tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu tại điểm này trong trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, chính xác;

c) Bản gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao từ sổ gốc quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc giữa tổ chức và giám định viên làm việc cho tổ chức. Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến thì nộp bản sao điện tử hoặc bản chứng thực điện tử.

2. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền tác giả, quyền liên quan; trường hợp từ chối thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do. Mẫu Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền tác giả, quyền liên quan quy định tại Mẫu số 02 tại Phụ lục này.

3. Hiệu lực của Giấy chứng nhận tổ chức giám định: Giấy chứng nhận tổ chức giám định có hiệu lực kể từ ngày cấp.

4. Cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định:

a) Chỉ cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định trong trường hợp Giấy chứng nhận tổ chức giám định bị mất, hư hỏng hoặc có sự thay đổi về thông tin đã được ghi nhận trong Giấy chứng nhận tổ chức giám định;

b) Tổ chức giám định có yêu cầu cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định nộp hồ sơ trên Cổng dịch vụ công trực tuyến, qua dịch vụ bưu chính hoặc tại trụ sở cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đã cấp Giấy chứng nhận. Hồ sơ gồm:

- Tờ khai yêu cầu cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền tác giả, quyền liên quan theo Mẫu số 01 tại Phụ lục này;

- Bản gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao từ sổ gốc quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc giữa tổ chức và giám định viên làm việc cho tổ chức, trong trường hợp có sự thay đổi so với nội dung ghi trong Giấy chứng nhận tổ chức giám định đã được cấp; trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến thì nộp bản sao điện tử hoặc bản chứng thực điện tử;

- Giấy tờ hợp pháp chứng minh sự thay đổi thông tin, trong trường hợp đề nghị cấp lại do thay đổi thông tin;

- Giấy chứng nhận tổ chức giám định đã cấp bị hư hỏng hoặc Giấy chứng nhận tổ chức giám định đã cấp trong trường hợp có thay đổi thông tin.

c) Thời hạn cấp lại là 12 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ yêu cầu cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định.

5. Cơ quan đã cấp, cấp lại có quyền thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định đối với một trong các trường hợp sau đây:

a) Tổ chức giám định không còn đáp ứng các quy định tại Điều 95 của Nghị định số 17/2023/NĐ-CP;

b) Tổ chức giám định có hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động giám định bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định theo quy định của pháp luật;

c) Có chứng cứ khẳng định Giấy chứng nhận tổ chức giám định được cấp trái với quy định của pháp luật;

d) Tổ chức giám định chấm dứt hoạt động giám định.

6. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày cấp, cấp lại hoặc ban hành quyết định thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định, cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo đến tổ chức hành chính giúp Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan để ghi nhận, cập nhật vào Danh sách tổ chức giám định.

7. Tổ chức hành chính giúp Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan có trách nhiệm công bố Danh sách tổ chức giám định theo Quyết định cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định trên trang thông tin điện tử của tổ chức này.

II. Thủ tục tổ chức biểu diễn nghệ thuật trong khuôn khổ hợp tác quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương

Việc chấp thuận tổ chức biểu diễn nghệ thuật trong khuôn khổ hợp tác quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 10 Nghị định số 144/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn (sau đây gọi là Nghị định số 144/2020/NĐ-CP) thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

III. Thủ tục tổ chức cuộc thi, liên hoan toàn quốc và quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương

Việc chấp thuận tổ chức cuộc thi, liên hoan toàn quốc và quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 13 Nghị định số 144/2020/NĐ-CP thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

IV. Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội

Việc cấp giấy phép sửa đổi, bổ sung, gia hạn Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội được quy định tại Điều 32 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng (sau đây gọi là Nghị định số 147/2024/NĐ-CP) thuộc thẩm quyền của cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Trình tự, thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội thực hiện như sau:

1. Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội phải làm thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép trong những trường hợp sau: thay đổi cơ quan chủ quản (nếu có); thay đổi tên của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ mạng xã hội; thay đổi địa chỉ trụ sở chính; thay đổi địa điểm đặt máy chủ; thay đổi nhân sự chịu trách nhiệm trước pháp luật và nhân sự quản lý nội dung; thay đổi tên của mạng xã hội (nếu có), loại hình dịch vụ, phạm vi cung cấp dịch vụ (tên miền, hệ thống phân phối ứng dụng).

2. Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội lập 01 bộ hồ sơ và nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, thành phố nơi Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đặt trụ sở chính hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội theo Mẫu số 03 tại Phụ lục 04 kèm theo Nghị quyết;

b) Các tài liệu chứng minh có liên quan (nếu có) đến cơ quan có thẩm quyền cấp phép.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thẩm định, cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép theo mẫu quy định, sau khi cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung và ghi rõ ngày cấp Giấy phép lần đầu, ngày cấp sửa đổi, bổ sung. Giấy phép sửa đổi, bổ sung có hiệu lực kể từ ngày cấp sửa đổi, bổ sung tới ngày hết hiệu lực của Giấy phép được cấp ban đầu.

Trường hợp từ chối, cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

4. Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nhận kết quả tại cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi mình nộp hồ sơ hoặc qua dịch vụ bưu chính, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác

V. Thủ tục gia hạn Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội

Việc gia hạn Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP do cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện.

Trình tự, thủ tục gia hạn Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội thực hiện như sau:

1. Chậm nhất 30 ngày trước khi hết hạn Giấy phép đã được cấp, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp muốn gia hạn Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội đã được cấp lập 01 bộ hồ sơ và nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, thành phố nơi Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đặt trụ sở chính hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia. Hồ sơ bao gồm Đơn đề nghị gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội theo Mẫu số 04 tại Phụ lục 04 kèm theo Nghị quyết;

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị hợp lệ, cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thẩm định, cấp gia hạn Giấy phép đã cấp theo Mẫu số 05 tại Phụ lục 04 kèm theo Nghị quyết. Việc xét gia hạn Giấy phép được thực hiện dựa trên việc cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp tuân thủ các quy định trong Giấy phép và các quy định của pháp luật có liên quan về quản lý, cung cấp, sử dụng thông tin trên mạng.

3. Trường hợp từ chối, cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

4. Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nhận kết quả tại cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi mình nộp hồ sơ hoặc qua dịch vụ bưu chính, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

VI. Cấp gia hạn Giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng

Việc gia hạn Giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng theo quy định tại khoản 5, Điều 42 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP do cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện.

Trình tự, thủ tục gia hạn Giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng thực hiện như sau:

1. Chậm nhất 30 ngày trước khi hết hạn Giấy phép đã được cấp, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp muốn gia hạn Giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng đã được cấp lập 01 bộ hồ sơ và nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, thành phố nơi Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đặt trụ sở chính hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia. Hồ sơ bao gồm Đơn đề nghị gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng theo Mẫu số 06 tại Phụ lục 04 kèm theo Nghị quyết.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị hợp lệ, cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thẩm định, cấp gia hạn Giấy phép đã cấp theo Mẫu số 07 tại Phụ lục 04 kèm theo Nghị quyết. Việc xét gia hạn Giấy phép được thực hiện dựa trên việc cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp tuân thủ các quy định trong Giấy phép và các quy định của pháp luật có liên quan về quản lý, cung cấp, sử dụng thông tin trên mạng.

Trường hợp từ chối, cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

3. Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nhận kết quả tại cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi mình nộp hồ sơ hoặc qua dịch vụ bưu chính, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

VII. Thủ tục xác nhận đăng ký hoạt động in

Việc cấp xác nhận đăng ký hoạt động in (cho cơ sở in trên địa bàn là đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp thuộc tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội, hợp tác xã và chi nhánh, địa điểm kinh doanh của các loại hình này) được quy định tại Điều 1 Nghị định số 116/2026/NĐ-CP ngày 02/4/2026 (sửa đổi, bổ sung Điều 14 Nghị định số 60/2014/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 25/2018/NĐ-CP, Nghị định số 72/2022/NĐ-CP) thuộc thẩm quyền của cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Việc cấp xác nhận đăng ký hoạt động in (cho cơ sở in trên địa bàn là hộ kinh doanh) được quy định tại Điều 1 Nghị định số 116/2026/NĐ-CP ngày 02/4/2026 (sửa đổi, bổ sung Điều 14 Nghị định số 60/2014/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 25/2018/NĐ-CP, Nghị định số 72/2022/NĐ-CP) thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã.

Trình tự, thủ tục xác nhận đăng ký hoạt động in thực hiện như sau:

1. Trình tự thực hiện: Trước khi hoạt động, cơ sở in thực hiện chế bản, in, gia công sau in sản phẩm in thuộc quy định tại khoản 4 Điều 2 Nghị định số 60/2014/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 25/2018/NĐ-CP, Nghị định số 72/2022/NĐ-CP có hồ sơ đăng ký hoạt động in với cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động in để cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động in.

2. Hồ sơ, thủ tục đăng ký hoạt động in

a) Hồ sơ đăng ký hoạt động in gồm: Tờ khai đăng ký hoạt động in theo Mẫu số 08 tại Phụ lục 04 kèm theo Nghị quyết; Sơ yếu lý lịch của người đại diện pháp luật/người đứng đầu cơ sở in theo Mẫu số 09 Phụ lục 04 kèm theo Nghị quyết;

b) Cơ sở in nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký hoạt động in trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia tới cơ quan có thẩm quyền cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động in. Giấy xác nhận đăng ký hoạt động in điện tử có giá trị pháp lý như giấy xác nhận đăng ký hoạt động in bản giấy.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký hoạt động in đúng quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động in có trách nhiệm cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động in theo Mẫu số 10 tại Phụ lục 04 kèm theo Nghị quyết và cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động in; trường hợp không cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động in

phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do. Trường hợp hồ sơ đăng ký hoạt động in không đúng quy định tại khoản 2 Điều này phải thông báo bằng văn bản cho cơ sở in và nêu rõ lý do.

VIII. Thủ tục xác nhận thay đổi thông tin đăng ký hoạt động in

Việc cấp xác nhận thay đổi thông tin đăng ký hoạt động in (cho cơ sở in trên địa bàn là đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp thuộc tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội, hợp tác xã và chi nhánh, địa điểm kinh doanh của các loại hình này) được quy định tại Điều 1 Nghị định số 116/2026/NĐ-CP ngày 02/4/2026 (sửa đổi, bổ sung Điều 14 Nghị định số 60/2014/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 25/2018/NĐ-CP, Nghị định số 72/2022/NĐ-CP) thuộc thẩm quyền của cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Việc cấp xác nhận thay đổi thông tin đăng ký hoạt động in (cho cơ sở in trên địa bàn là hộ kinh doanh) được quy định tại Điều 1 Nghị định số 116/2026/NĐ-CP ngày 02/4/2026 (sửa đổi, bổ sung Điều 14 Nghị định số 60/2014/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 25/2018/NĐ-CP, Nghị định số 72/2022/NĐ-CP) thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã.

Trình tự, thủ tục xác nhận thay đổi thông tin đăng ký hoạt động in thực hiện như sau:

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có một trong các thay đổi về thông tin đã được xác nhận, cơ sở in phải gửi hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký hoạt động in theo Mẫu số 11 tại Phụ lục 04 kèm theo Nghị quyết đến cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động in đã cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động in để cấp lại giấy xác nhận đăng ký hoạt động in.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký hoạt động in đúng quy định định tại khoản 1, cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động in có trách nhiệm cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động in theo Mẫu số 10 tại Phụ lục 04 kèm theo Nghị quyết và cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động in; trường hợp không cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động in phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do. Trường hợp hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký hoạt động in không đúng quy định tại Điều 1 Nghị định số 116/2026/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung điều 14 Nghị định số 60/2014/NĐ-CP, Nghị định số 25/2018/NĐ-CP, Nghị định số 72/2022/NĐ-CP) phải thông báo bằng văn bản cho cơ sở in và nêu rõ lý do.

IX. Thủ tục cấp lại giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm

Việc cấp lại giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm được quy định tại quy định tại khoản 3 Điều 14 Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản thuộc thẩm quyền của cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Trình tự, thủ tục cấp lại giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm thực hiện như sau:

1. Giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm được cấp lại trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng. Việc cấp lại giấy phép thực hiện như sau: Cơ sở nhập khẩu xuất bản phẩm có đơn đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm theo Mẫu số 12 tại Phụ lục 04 kèm theo Nghị quyết gửi cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải cấp lại giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm; trường hợp không cấp lại giấy phép phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

X. Thủ tục kiểm tra chuyên ngành trước khi xuất khẩu đối với văn hóa phẩm là các bản ghi âm, ghi hình trong quá trình sản xuất phim tại Việt Nam của tổ chức, cá nhân nước ngoài không nhằm mục đích kinh doanh; Thủ tục kiểm tra chuyên ngành trước khi xuất khẩu đối với văn hóa phẩm là các bản ghi âm, ghi hình về nghệ thuật biểu diễn không nhằm mục đích kinh doanh; Thủ tục kiểm tra chuyên ngành trước khi xuất khẩu đối với văn hoá phẩm là tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm mỹ thuật ứng dụng, tác phẩm nhiếp ảnh không nhằm mục đích kinh doanh (03 TTHC)

Việc kiểm tra chuyên ngành trước khi xuất khẩu đối với văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh trong các trường hợp đề trao đổi hợp tác, viện trợ; tham gia trưng bày, triển lãm, dự thi, liên hoan ở cấp quốc gia, cấp khu vực được quy định tại Điều 7 và khoản 1 Điều 8 Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý xuất nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh, được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 5 và khoản 6 Điều 1 Nghị định số 31/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 2 năm 2025 của Chính phủ, thuộc thẩm quyền của cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Thủ tục này áp dụng đối với các nhóm văn hóa phẩm sau đây:

1. Bản ghi âm, ghi hình trong quá trình sản xuất phim tại Việt Nam của tổ chức, cá nhân nước ngoài không nhằm mục đích kinh doanh;

2. Bản ghi âm, ghi hình về nghệ thuật biểu diễn không nhằm mục đích kinh doanh;

3. Tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm mỹ thuật ứng dụng, tác phẩm nhiếp ảnh không nhằm mục đích kinh.

XI. Thủ tục tiếp nhận thông báo nhập khẩu văn hoá phẩm là tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm mỹ thuật ứng dụng, tác phẩm nhiếp ảnh không nhằm mục đích kinh doanh; Thủ tục tiếp nhận thông báo nhập khẩu văn hóa phẩm là các bản ghi âm, ghi hình về nghệ thuật biểu diễn không nhằm mục đích kinh doanh (02 TTHC)

Việc tiếp nhận thông báo nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh trong các trường hợp đề trao đổi hợp tác, viện trợ; tham gia trưng bày, triển lãm, dự thi, liên hoan ở cấp quốc gia, cấp khu vực được quy định tại khoản 1 Điều 8 và Điều 9 Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý xuất nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh, được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 6 và khoản 7 Điều 1 Nghị định số 31/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 2 năm 2025 của Chính phủ, thuộc thẩm quyền của cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Thủ tục này áp dụng đối với các nhóm văn hóa phẩm sau đây:

1. Tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm mỹ thuật ứng dụng, tác phẩm nhiếp ảnh không nhằm mục đích kinh doanh;
2. Bản ghi âm, ghi hình về nghệ thuật biểu diễn không nhằm mục đích kinh.

XII. Cấp giấy phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc

Việc Cấp giấy phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc (trại sáng tác điêu khắc có sự tham gia của tổ chức, cá nhân nước ngoài) quy định tại Điều 36 Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.